

Bản án số: 08/2023/DS-ST
Ngày: 26 - 5 - 2023
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Thắng và Bà Trần Thị Ngọc Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thục Trinh - Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2023/TLST-TCDS ngày 13 tháng 01 năm 2023, về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-TCDS ngày 21 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ;

Địa chỉ: Tháp BIDV, số 194 T, quận H, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đ;

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Hà Thanh H - Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Bắc Quảng Bình;

Người đại diện theo uỷ quyền lại tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Việt H, Chuyên viên Phòng quản lý rủi ro Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Bắc Quảng Bình; địa chỉ: Số 332A Q, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Hoàng Th và Bà Hoàng Thị H;

Địa chỉ: thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt (Yêu cầu được xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên toà, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (viết tắt là Ngân hàng) - Chi nhánh Bắc Quảng Bình đã ký các Hợp đồng tín dụng với ông Hoàng Th và bà Hoàng Thị H, cụ thể:

Hợp đồng tín dụng số 01/2017/10556653/HĐTD ngày 08/12/2017. Theo đó, ông Th và bà H vay của Ngân hàng số tiền 600.000.000 đồng (*sáu trăm triệu đồng*); thời hạn cho vay 84 tháng; mục đích vay: thanh toán tiền mua trang thiết bị gia đình; lãi suất cho vay: 10,5%/năm kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31/3/2018, từ ngày 01/4/2018 khoản vay điều chỉnh sang lãi suất cho vay thông thường, được điều chỉnh 03 tháng/lần vào ngày đầu tiên của các quý (mùng 01 các tháng 01, 4, 7, 10 hàng năm), kỳ điều chỉnh đầu tiên vào ngày 01/4/2018; lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn; lãi chậm trả là 10%/năm (x) số tiền lãi chậm trả (x) số ngày chậm trả/365 ngày. Bà H làm đại diện rút vốn vay với số tiền 600.000.000 đồng vào ngày 12/12/2017. Quá trình thực hiện hợp đồng ông Th và bà H đã trả được tổng số tiền cho Hợp đồng này là 337.406.241 đồng, trong đó có 220.000.000 đồng nợ gốc, 117.098.370 đồng nợ lãi và 307.871 đồng phí quá hạn.

Hợp đồng tín dụng số 01/2021/10556653/HĐTD ngày 24/12/2021. Theo đó, ông Th và bà H vay của Ngân hàng số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*); thời hạn vay 06 tháng; mục đích: thanh toán tiền mua vật liệu xây dựng sửa chữa nhà ở; lãi suất 08%/năm. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Th và bà H đã trả được tổng số tiền cho hợp đồng này là 313.425 đồng, trong đó 0 đồng nợ gốc, 313.425 đồng nợ lãi và 0 đồng phí quá hạn.

Trong quá trình tín dụng với Ngân hàng, ông Th và bà H không thực hiện đúng các thỏa thuận, cam kết tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết, để phát sinh nợ quá hạn, thời điểm phát sinh nợ quá hạn của các hợp đồng đã ký kết cụ thể như sau: ngày 17/01/2022, vi phạm theo thỏa thuận tại Hợp đồng số 01/2017/10556653/HĐTD ngày 08/12/2017; ngày 24/6/2022, vi phạm theo thỏa thuận tại Hợp đồng số 01/2021/10556653/HĐTD ngày 24/12/2021.

Để bảo đảm các khoản vay và nghĩa vụ trả nợ, ông Th và bà H dùng tài sản hợp pháp của mình để thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp số 01/2017/10556653 ngày 08/12/2017/HĐBĐ, số 02/2017/10556653/HĐTC ngày 08/12/2017 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2017/10556653, ngày 08/12/2017. Tài sản thế chấp là thửa đất số 300, tờ bản đồ số 08; địa chỉ thửa đất: thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình có diện tích 71m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI872240, số vào sổ cấp GCN: CH01030 do UBND thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 09/6/2017 cho ông Hoàng Th và bà Hoàng Thị H.

Sau khi phát sinh nợ quá hạn, Ngân hàng đã nhiều lần Thông báo, làm việc nhưng ông Th và bà H không trả được nợ theo cam kết. Do đó, Ngân hàng thực hiện thủ tục khởi kiện đến Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn để yêu cầu Tòa án buộc ông Hoàng Th và bà Hoàng Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Hoàng Th và bà Hoàng Thị H thống nhất trình bày: Ông, Bà thừa nhận đã ký kết các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp, số tiền vay, các điều khoản trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, tài sản thế chấp cho Ngân hàng đúng như Ngân hàng trình bày cũng như nội dung các Hợp đồng đã được Ngân hàng nộp cho Tòa án. Quá trình thực hiện các Hợp đồng vay vốn, thời gian đầu Ông, Bà vẫn thực hiện đúng cam kết với Ngân hàng. Tuy nhiên thời gian sau kinh tế gia đình gặp khó khăn, ông Th đau ốm nên không thể thực hiện đúng lộ trình trả nợ cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng yêu cầu về số nợ còn lại thì Ông, Bà nhất trí nhưng xin Ngân hàng cho thêm thời gian để được trả nợ dần; cụ thể: trong năm 2023, trả số tiền 30.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ trả dần trong những năm tiếp theo. Đối với các tài sản thế chấp, xin Ngân hàng cho gia đình tiếp tục sử dụng cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp Ngân hàng bắt buộc xử lý các tài sản thế chấp thì Ông, Bà chấp nhận để Ngân hàng xử lý theo pháp luật.

Ngày 19/4/2023, Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn tổ chức xem xét, thẩm định tại chỗ đối với đất và tài sản trên đất, kết quả như sau:

Đối với thửa đất số 300, tờ bản đồ số 08 tại thôn Văn Phú, xã Quảng Văn, thị xã Ba Đồn: theo kết quả đo đạc, hiện tại thửa đất có diện tích 68,7m²; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI872240, số vào sổ cấp GCN: CH01030 do UBND thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 09/6/2017 cho ông Hoàng Th và bà Hoàng Thị H có diện tích 71m².

Đối với tài sản gắn liền với thửa đất (thửa số 300, tờ bản đồ số 08 tại thôn Văn Phú, xã Quảng Văn, thị xã Ba Đồn) có 01 ngôi nhà cấp IV; kết cấu trụ đỡ bê tông cốt thép, mái đổ bằng, tường ốp gạch, nền lát gạch hoa, cửa gỗ hoàn chỉnh; diện tích 9,2 x 7,44m.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Buộc ông Hoàng Th và bà Hoàng Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 26/5/2023 với tổng số tiền 451.027.096 đồng, trong đó 390.000.000 đồng nợ gốc, 55.983.411 đồng nợ lãi, 5.043.685 đồng lãi quá hạn. Tại các Hợp đồng tín dụng cụ thể: Hợp đồng tín dụng số 01/2017/10556653/HĐTD ngày 08/12/2017, với số tiền 439.857.713 đồng, trong đó 380.000.000 đồng dư nợ gốc, 55.182.247 đồng nợ lãi, 4.675.466 đồng lãi quá hạn; Hợp đồng tín dụng số 01/2021/10556653/HĐTD ngày 24/12/2021, với số tiền 11.124.383 đồng, trong đó 10.000.000 đồng nợ gốc, 756.164 đồng nợ lãi, 368.219 đồng lãi quá hạn. Tiếp tục trả số tiền lãi phát sinh đến khi thanh toán hết nợ vay theo cam kết tại các Hợp đồng tín dụng. Trong trường hợp ông Th và bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản đảm bảo được Cơ quan có thẩm quyền xử lý, theo các hợp đồng thế chấp đã ký kết để thu hồi nợ.

- Bị đơn vắng mặt, không thể hiện thiện chí, đề xuất phương án trả nợ để thỏa thuận giải quyết vụ án.

- Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

+ Về thủ tục tố tụng: kể từ khi thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định về trình tự thủ tục tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào nội dung các hợp đồng mà các bên tham gia ký kết và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì việc xác định mối quan hệ tranh chấp là đúng quy định của pháp luật và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

+ Về sự vắng mặt của bị đơn: ông Hoàng Th và bà Hoàng Thị H có trình bày xin được vắng mặt tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vắng mặt bị đơn.

+ Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 91, 95 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 317, 318, 319, 320, 322, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của chính phủ. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ và lãi phát sinh theo các Hợp đồng đã ký kết. Trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thì nguyên đơn được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

+ Về chi phí tố tụng: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, buộc bị đơn chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Do nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên cần buộc bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn.

+ Về án phí: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 3, Điều 7, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định “Về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”, buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định; hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên.

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: tranh chấp giữa Ngân hàng với ông Hoàng Th và bà Hoàng Thị H phát sinh từ việc thực hiện Hợp đồng tín dụng số 01/2017/10556653/HĐTD ngày 08/12/2017 và Hợp đồng tín dụng số 01/2021/10556653/HĐTD ngày 24/12/2021. Bị đơn trong vụ án không có đăng ký kinh doanh và không có mục đích lợi nhuận khi giao

kết hợp đồng nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là tranh chấp dân sự, thuộc trường hợp “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Hoàng Th và bà Hoàng Thị H có nơi thường trú tại thôn Văn Phú, xã Quảng Văn, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình; căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Toà án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Về sự vắng mặt của bị đơn: ông Hoàng Th và bà Hoàng Thị H có trình bày xin xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

- Thời hiệu Ngân hàng khởi kiện vẫn còn theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự 2015.

[2] Về nội dung yêu cầu của nguyên đơn:

2.1. Xét yêu cầu buộc ông Hoàng Th và bà Hoàng Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ tạm tính đến 26/5/2023 là 451.027.096 đồng, trong đó 390.000.000 đồng nợ gốc, 55.983.411 đồng nợ lãi, 5.043.685 đồng lãi quá hạn. Tại các Hợp đồng tín dụng cụ thể: Hợp đồng tín dụng số 01/2017/10556653/HĐTD ngày 08/12/2017, với số tiền 439.857.713 đồng, trong đó 380.000.000 đồng dư nợ gốc, 55.182.247 đồng nợ lãi, 4.675.466 đồng lãi quá hạn; Hợp đồng tín dụng số 01/2021/10556653/HĐTD ngày 24/12/2021, với số tiền 11.124.383 đồng, trong đó 10.000.000 đồng nợ gốc, 756.164 đồng nợ lãi, 368.219 đồng lãi quá hạn. Tiếp tục trả số tiền lãi phát sinh đến khi thanh toán hết nợ vay theo cam kết tại các Hợp đồng tín dụng.

Hội đồng xét xử thấy: việc thỏa thuận vay tiền giữa ông Th, bà H với Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, bình đẳng, không trái với quy định pháp luật và đạo đức xã hội, nhằm xác lập quyền và nghĩa vụ của các bên trong giao dịch dân sự, phù hợp với quy định tại các Điều 116, 117 Bộ luật dân sự 2015; hình thức và nội dung của các hợp đồng phù hợp với quy định tại các Điều 119, 398, 463 Bộ luật dân sự 2015; hợp đồng có hiệu lực theo quy định tại Điều 401 Bộ luật dân sự 2015. Ngân hàng đã giải ngân số tiền cho vay đối với các hợp đồng tín dụng cho ông Th, bà H là có thực và được thừa nhận. Trong quá trình thực hiện các hợp đồng, các bên đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định cụ thể về điều kiện cho vay. Mặt khác, trong quá trình thực hiện các hợp đồng thì ông Th, bà H đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Đối với số tiền nợ gốc, lãi, phí chậm trả còn lại theo yêu cầu của Ngân hàng thì ông Th, bà H trình bày do hoàn cảnh khó khăn, chưa thu xếp được để trả ngay nên đề nghị Ngân hàng cho trả nợ số tiền theo phương án: trong năm 2023, trả số tiền 30.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ trả dần trong những năm tiếp theo. Tuy nhiên, phương án này không được Ngân hàng đồng ý.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Do ông Th, bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo các quy định về điều khoản thanh toán mà các bên đã tham gia ký kết tại các hợp đồng tín dụng nên khoản nợ chuyển sang nợ quá hạn. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu ông Th, bà H phải có nghĩa vụ thanh toán ngay số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm 26/5/2023 với tổng số 451.027.096 đồng, trong đó 390.000.000 đồng nợ gốc, 55.983.411

đồng nợ lãi, 5.043.685 đồng lãi quá hạn; tại các Hợp đồng tín dụng cụ thể: Hợp đồng tín dụng số 01/2017/10556653/HĐTD ngày 08/12/2017, với số tiền 439.857.713 đồng, trong đó 380.000.000 đồng dư nợ gốc, 55.182.247 đồng nợ lãi, 4.675.466 đồng lãi quá hạn; Hợp đồng tín dụng số 01/2021/10556653/HĐTD ngày 24/12/2021, với số tiền 11.124.383 đồng, trong đó 10.000.000 đồng nợ gốc, 756.164 đồng nợ lãi, 368.219 đồng lãi quá hạn và tiếp tục trả số tiền lãi phát sinh đến khi thanh toán hết nợ vay theo cam kết tại các Hợp đồng tín dụng là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 95 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

2.2. Xét yêu cầu trong trường hợp ông Th và bà H không trả được nợ thì yêu cầu Tòa án buộc xử lý tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp đã ký kết để thu hồi nợ, cụ thể: Hợp đồng thế chấp số 01/2017/10556653 ngày 08/12/2017/HĐBĐ, số 02/2017/10556653/HĐTC ngày 08/12/2017 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2017/10556653, ngày 08/12/2017.

Thấy rằng, tài sản thế chấp để đảm bảo khoản vay được thẩm định, định giá và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Về hình thức và nội dung của các Hợp đồng thế chấp nhằm đảm bảo các khoản vay giữa các bên đã được công chứng và đăng ký bảo đảm theo đúng các quy định của pháp luật cũng như sự tự nguyện thoả thuận giữa các bên. Do đó, trường hợp ông Th và bà H không trả được số nợ gốc và lãi phát sinh thì Ngân hàng được quyền tự xử lý hoặc yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số thửa đất số 300, tờ bản đồ số 08; địa chỉ thửa đất: thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI872240, số vào sổ cấp GCN: CH01030 do UBND thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 09/6/2017 cho ông Hoàng Th và bà Hoàng Thị H. Tuy nhiên, theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án, hiện tại thửa đất có diện tích 68,7m²; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Th, bà H có diện tích 71m²; như vậy, hiện trạng đất thực tế nhỏ hơn 1,3m² so với diện tích được cấp trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại phiên tòa, đại diện ngân hàng trình bày: nếu ông Th và bà H không thực hiện trả nợ vay thì Ngân hàng đồng ý xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất với hiện trạng thực tế 68,7m².

Yêu cầu của Ngân hàng trong trường hợp ông Th, bà H không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì xử lý các tài sản thế chấp là có cơ sở, đúng với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng: trong giai đoạn tố tụng, Ngân hàng đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền 3.000.000 đồng; quá trình xem xét, thẩm định tại chỗ đã chi phí số tiền 3.000.000 đồng (có danh sách chi phí cụ thể); yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được Hội đồng xét xử chấp nhận nên ông Th, bà H phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Do đó, cần buộc ông Hoàng Th và bà Hoàng Thị H có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 3.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ cho Ngân hàng.

[4] Về án phí: Ngân hàng khởi kiện được Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu nên không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông Hoàng Th và bà Hoàng Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các Điều 317; 318; 319; 320; 322; 357; 463; 466; 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Các Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Nghị định số: 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị định số: 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung Nghị định số: 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ vào Điều 3, Điều 7, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định “Về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án” và điểm c Điều 1.3 Phần 1, Mục II, Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Hoàng Th và bà Hoàng Thị H.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ: buộc ông Hoàng Th và bà Hoàng Thị H phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 26/5/2023 với tổng số 451.027.096 đồng (*Bốn trăm năm mươi một triệu, không trăm hai mươi bảy nghìn, không trăm chín mươi sáu đồng*), trong đó 390.000.000 đồng nợ gốc, 55.983.411 đồng nợ lãi, 5.043.685 đồng lãi quá hạn; tại các Hợp đồng tín dụng cụ thể: Hợp đồng tín dụng số 01/2017/10556653/HĐTD ngày 08/12/2017, với số tiền 439.857.713 đồng, trong đó 380.000.000 đồng dư nợ gốc, 55.182.247 đồng nợ lãi, 4.675.466 đồng lãi quá hạn; Hợp đồng tín dụng số 01/2021/10556653/HĐTD ngày 24/12/2021, với số tiền 11.124.383 đồng, trong đó 10.000.000 đồng nợ gốc, 756.164 đồng nợ lãi, 368.219 đồng lãi quá hạn.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (26/5/2023) cho đến khi thanh toán hết nợ gốc, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 01/2017/10556653/HĐTD ngày 08/12/2017 và Hợp đồng tín dụng số 01/2021/10556653/HĐTD ngày 24/12/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vay.

Trường hợp ông Hoàng Th và bà Hoàng Thị H không trả được nợ thì Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp là: thửa đất số 300, tờ bản đồ số 08; địa chỉ thửa đất: thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình, có diện tích thực tế 68,7m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI872240, số vào sổ cấp GCN: CH01030 do UBND thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 09/6/2017 cho ông Hoàng Th và bà Hoàng Thị H.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Hoàng Th và bà Hoàng Thị H có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 3.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ cho Ngân hàng TMCP Đ.

4. Về án phí: Buộc ông Hoàng Th và bà Hoàng Thị H phải nộp 22.041.084 đồng (*Hai mươi hai triệu, không trăm bốn mươi một nghìn, không trăm tám mươi bốn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách nhà nước.

Trả lại cho Ngân hàng Th mại cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.239.936 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003533 ngày 11/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn .

5. Về quyền kháng cáo: án xử sơ thẩm, nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/5/2023), bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã Ba Đồn
- Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
- Các đương sự;
- Lưu: HSPA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Anh Đức